TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 12- 02- 2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tô Thị Thy Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đời.

2. Ông Đoàn Văn Đức.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Ngọc Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án của TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST- HPT ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1998.

Nơi cư trú: Xóm 3, thôn P, xã T, huyện T1, tỉnh Bình Định. Có mặt.

* Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm: 1991.

Nơi cư trú: Tổ 60, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà xây dựng gia đình với ông Lê Văn L vào năm 2024, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà Nguyễn Thị C trình bày là do quan điểm sống tính tình vợ chồng không hợp nên thường xuyên cãi vả, ông L bộc lộ bản tính gia trưởng, thường hay nghe tuông vô cớ, kiểm soát giờ giấc sinh hoạt của bà, cấm bà tiếp xúc và gặp gỡ người ngoài, đi đâu đều phải báo cáo, kể cả đau bệnh cũng không được tuỳ ý đi khám làm cho cuộc sống của bà trở nên ngột ngạt, sống không hạnh phúc. Do mâu thuẫn nên bà về nhà cha mẹ sống từ tháng 7 năm 2024 đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Nay bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, nếu kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không đem lại kết quả, vì vậy bà xin được ly hôn với ông Lê Văn L.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị C xác định không có con chung.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị C xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị C xác định không có nợ chung.

* Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn ông Lê Văn L đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án ly hôn nhưng ông Lê Văn L không đến Tòa án nên không ghi được lời trình bày.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị C đối với ông Lê Văn L. Đề nghị HĐXX xử cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Lê Văn L.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị C xác định không có con chung nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án Ly hôn. Bị đơn cư trú tại tổ 60, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét vử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án:

[3] Nguyên đơn và bị đơn xây dựng gia đình với nhau vào năm 2024, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân mâu thuẩn theo nguyên đơn trình bày là do quan điểm sống tính tình vợ chồng không hợp nên thường xuyên cãi vả, bị đơn bộc lộ bản tính gia trưởng, thường hay nghe tuông vô cớ, kiểm soát giờ giấc sinh hoạt của nguyên đơn, cấm nguyên đơn tiếp xúc và gặp gỡ người ngoài, đi đâu đều phải báo cáo, kể cả đau bệnh cũng không được tuỳ ý đi khám làm cho cuộc sống của nguyên đơn trở nên ngột ngạt, sống không hạnh phúc. Do mâu thuẩn nên nguyên đơn về nhà cha mẹ sống từ tháng 7 năm 2024 đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà nguyên đơn xác định mâu thuẩn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không còn khả năng hàn gắn được nữa nên nguyện vọng xin được ly hôn với bị đơn. Còn bị đơn mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhiều lần để hoà giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn không chấp hành. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai theo quy định của pháp luật nhưng thấy rằng việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với bị đơn không đảm bảo nên Tòa án tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng đến nay không có tin tức gì. Điều này thể hiện bị đơn vừa coi thường pháp luật, vừa thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, bản thân bị đơn không còn thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình với nguyên đơn nữa, mặt khác mâu thuẩn vợ chồng cũng phù hợp với các thông tin mà chính quyền địa phương nơi bị đơn đang cư trú cung cấp. Điều đó chứng tỏ mâu thuẩn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì

vậy, HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của nguyên đơn là phù hợp.

[6] Về con chung: Bà Nguyễn Thị C xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bị đơn vắng mặt không ghi được lời khai nên không xác định được khối tài sản chung và nợ chung của vợ chồng là có hay không, do đó HĐXX thấy cần phải tách phần tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Nếu sau này một trong hai bên có đơn khởi kiện kèm theo chứng cứ chứng minh thì Toà án có thẩm quyền sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[8] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đồng nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng gồm Báo nhân dân số tiền 3.000.000đồng theo hoá đơn giá trị gia tăng số 002414 ngày 16/12/2024 và Đài tiếng nói Việt Nam số tiền 2.250.000đồng theo phiếu thu số PT 15 ngày 12/12/2024 do nguyên đơn chịu (Đã nộp).

[9] Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng thấy phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ‘Ly hôn” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị C đối với bị đơn ông Lê Văn L.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông ông Lê Văn L (Giấy chứng nhận kết hôn số 12, ngày 23/5/2024, tại Ủy ban nhân dân xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định không còn giá trị pháp lý).

2. Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị C phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại Chi cục

Thi hành án dân sự Quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng biên lai thu số 0003003 ngày 28 tháng 10 năm 2024.

- Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng gồm Báo nhân dân số tiền 3.000.000đồng theo hoá đơn giá trị gia tăng số 002414 ngày 16/12/2024 và Đài tiếng nói Việt Nam số tiền 2.250.000đồng theo phiếu thu số PT 15 ngày 12/12/2024 do nguyên đơn chịu (Đã nộp).

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thị Thy Tuyết